TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/8/2022
V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Vũ Đức Quý.**
2. **Bà Nguyễn Thị Hoa.**

**** Thư ký phiên tòa*: Bà Trịnh Lê Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:***
Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Anh Tri Công P,** sinh năm 1959

* *Bị đơn:* **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1960

Đều có địa chỉ: Thôn TT, xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB.

(Tại phiên tòa có mặt anh P, chị L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn ngày 25/5/2022; Bản tự khai ngày 27/5/2022; Biên bản hòa giải các ngày 14/6/2022, 22/7/2022 và tại phiên tòa anh Tri Công P nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/5/1981 tại UBND xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1993 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống luôn xảy cãi vã, bất đồng trong cách làm ăn kinh tế, đối xử của bà L đối với gia đình nhà anh nên vợ chồng cứ sống ly thân rồi lại quay về đoàn tụ được thời gian ngắn lại xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly

thân từ năm 2012 và không có mối ràng buộc nào về tình cảm, kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị Nguyễn Thị L.

* *Về con chung:* Anh và chị L có 02 con chung là Tri Công D, sinh ngày 21/5/1983 và Tri Công N, sinh ngày 24/9/1990. Hiện cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản và nợ:* Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn trình bày ngày 13/6/2022; Biên bản ghi lời khai ngày 14/7/2022; Biên bản hòa giải các ngày 14/6/2022, 22/7/2022 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Tri Công P kết hôn ngày 21/5/1981 do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB. Chị và anh P chung sống đến năm 1984 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị và anh P sống ly thân từ năm 1984, sau đó anh P có về nói năng vợ chồng lại về chung sống. Năm 1985, vợ chồng làm nhà thì vợ chồng lại sống ly thân. Cuối năm 1989, anh P về xin xỏ vợ chồng về đoàn tụ; chị có bầu và sinh con thứ hai. Năm 1990, anh P lừa dối chị đi lấy vợ hai (chị không làm đơn tố cáo anh P về việc này). Anh P nhiều lần đánh đập chị. Anh P đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn chị và đã nhiều lần ký vào đơn ly hôn. Chị phải một mình nuôi dưỡng cả hai con chung và anh P không đóng góp gì cùng chị để nuôi hai con chung. Nay anh P có đơn xin ly hôn, chị cũng xác định giữa chị và anh P không còn tình cảm gì không thể đoàn tụ gia đình nhưng chị chỉ đồng ý ly hôn nếu anh P viết đúng sự thật về quá trình chung sống của vợ chồng.

* *Về con chung:* Chị và anh P có 02 con chung tên là Tri Công D, sinh ngày 21/5/1983 và Tri Công N, sinh ngày 24/9/1990. Hiện cả hai con đều đã trên 18 tuổi nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản riêng:* Chị yêu cầu anh P thanh toán cho chị những khoản chi phí, công sức mà chị đã lo cho anh P trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau gồm các khoản:

+ Năm 1981, khi anh P đang trong quân đội thì anh P có đánh mất của đơn vị gồm: 01 hòm tài liệu và 01 chiếc đài; chị có gửi cho anh P số tiền 620.000 đồng để đền bù cho đơn vị. Tính đến nay, chị yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị tương ứng với số tiền 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng). Số tiền 620.000 đồng chị chuyển cho anh P qua đường bưu điện. Hiện nay chị không còn giữ được biên lai chuyển tiền cho anh P.

+ Năm 2002, anh P bị vợ hai đuổi về có xin xỏ chị để vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình. Anh P có bảo đi làm ăn ở miền Nam nên chị có đưa cho anh P số tiền là 3.000.000 đồng để làm vốn buôn bán. Tính đến nay chị yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị tương ứng với số tiền 40.000.000 đồng. Chị đưa tay cho anh P chứ

không có giấy tờ gì.

+ Khoảng năm 1991 – 1992, anh P bị mất giấy tờ phải góp tiền vào đơn vị để làm lại giấy tờ. Chị có góp cho anh đồng 500.000 đồng để làm Huân huy chương cho anh P. Tính đến nay chị yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Từ năm 2001-2003, anh P chở đi vào NA 01 tấn gạo. Nay chị yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị 1 tấn gạo tương ứng với 01 tấn 300kg gạo mỗi năm tính từ năm 2002. Tính đến nay chị yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị 07 tấn gạo. Giá trị 01 tấn gạo: 12.000.000 đồng/01 tấn.

Thành tiền: 07 tấn x12.000.000 đồng/ 01 tấn = 84.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị yêu cầu anh P phải thanh toán là: 206.000.000 đồng (các khoản tiền, gạo chị chuyển cho anh P là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc).

* *Về nợ:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, của thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh P, chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị HĐXX xử cho anh P được ly hôn chị L.

+ Về con chung: Anh P và chị L có 02 con chung là Tri Công D, sinh ngày 21/5/1983 và Tri Công N, sinh ngày 24/9/1990. Hiện cả hai con đều đã trên 18 tuổi nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Anh P và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản riêng: Chị L yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị tổng số tiền 206.000.000 đồng trong quá trình vợ chồng chung sống, tại phiên tòa chị L trình bày chị chuyển tiền, gạo cho anh P là hoàn toàn tự nguyện trong quá trình chung sống, không có căn cứ chứng minh là tài sản riêng của chị, anh P không chấp nhận việc chị L yêu cầu anh phải thanh toán cho chị khoản tiền trên. Vì vậy không có căn cứ buộc anh P phải thanh toán cho chị L số tiền 206.000.000 đồng.

+ Về nợ: Anh P và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị L phải chịu án phí yêu cầu giải quyết tài sản chung tuy nhiên anh P, chị L là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên đề nghị HĐXX miễn án phí cho anh P, chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Bị đơn đang cư trú tại huyện ĐH, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Tri Công P và chị Nguyễn Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/5/1981 tại UBND xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra chị L cho rằng anh P thường xuyên đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác nhiều lần về xin chị được đoàn tụ gia đình, anh P cũng nhiều lần viết đơn xin ly hôn nhưng chị không ký, có lần vợ chồng mâu thuẫn anh P còn đánh chị L. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không quan tâm, chăm sóc và có mối ràng buộc về kinh tế. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị Nguyễn Thị L. Chị L cũng xác định tình cảm giữa chị và anh P không còn không thể đoàn tụ gia đình và chị chỉ đồng ý ly hôn nếu anh P viết đúng sự thật về quá trình chung sống của vợ chồng.

[2.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 19/7/2022, UBND xã ĐC cung cấp như sau: Anh Tri Công P và chị Nguyễn Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/5/1981 tại UBND xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB. Trong cuộc sống anh P, chị L có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn vợ chồng cụ thể địa P không nắm được, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Nay anh P xin ly hôn với chị L đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp anh P cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung tên là Tri Công D, sinh ngày 21/5/1983 và Tri Công N, sinh ngày 24/9/1990. Hiện các con đều đã trưởng thành.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần mục đích để anh P, chị L bỏ qua mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ gia đình cùng nhau làm ăn phát triển, ổn định kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L xác định giữa chị và anh P không còn tình cảm và không thể đoàn tụ gia đình nhưng chị L chỉ đồng ý ly hôn nếu anh P viết đúng sự thật về quá trình chung sống của vợ chồng, bản thân chị L cũng không có nguyện vọng đoàn tụ gia đình việc chị L cho rằng anh P phải nói đúng sự thật về quá trình chung sống của vợ chồng không phải là giải pháp để vợ chồng đoàn tụ mà càng làm tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng. Anh P, chị L đã sống ly thân được thời gian dài, không quan tâm đến nhau, không có mối ràng buộc về kinh tế. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tại phiên tòa HĐXX, kiểm sát viên cũng phân tích, khuyên giải để vợ chồng bỏ qua

mâu thuẫn về chung sống với nhau, tuy nhiên chính anh P, chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh P cương quyết xin ly hôn. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa anh P, chị L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh P cương quyết xin được ly hôn với chị L cần được chấp nhận theo yêu cầu của anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa.

[3] *Về con chung:* Anh P và chị L có 02 con chung tên là Tri Công D, sinh ngày 21/5/1983 và Tri Công N, sinh ngày 24/9/1990. Hiện cả hai con đều đã trên 18 tuổi nên anh P, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản:*

- *Về tài sản chung:* Anh P, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng:* Anh P không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị L yêu cầu anh P thanh toán cho chị những khoản chi phí, công sức mà chị đã lo cho anh P trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau gồm các khoản:

+ Năm 1981, khi anh P đang trong quân đội thì anh P có đánh mất của đơn vị gồm: 01 hòm tài liệu và 01 chiếc đài; chị có gửi cho anh P số tiền 620.000 đồng để đền bù cho đơn vị. Tính đến nay, chị yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị tương ứng với số tiền 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng). Số tiền 620.000 đồng chị chuyển cho anh P qua đường bưu điện. Hiện nay chị không còn giữ được biên lai chuyển tiền cho anh P.

+ Năm 2002, anh P bị vợ hai đuổi về có xin xỏ chị để vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình. Anh P có bảo đi làm ăn ở miền Nam nên chị có đưa cho anh P số tiền là 3.000.000 đồng để làm vốn buôn bán. Tính đến nay chị yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị tương ứng với số tiền 40.000.000 đồng. Chị đưa tay cho anh P chứ không có giấy tờ gì.

+ Khoảng năm 1991 – 1992, anh P bị mất giấy tờ phải góp tiền vào đơn vị để làm lại giấy tờ. Chị có góp cho anh Rồng 500.000 đồng để làm Huân huy chương cho anh P. Tính đến nay chị yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Từ năm 2001-2003, anh P chở đi vào NA 01 tấn gạo. Nay chị yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị 1 tấn gạo tương ứng với 01 tấn 300kg gạo mỗi năm tính từ năm 2002. Tính đến nay chị yêu cầu anh P phải thanh toán cho chị 07 tấn gạo. Giá trị 01 tấn gạo: 12.000.000 đồng/01 tấn.

Thành tiền: 07 tấn x12.000.000 đồng/ 01 tấn = 84.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị yêu cầu anh P phải thanh toán là: 206.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết chị L trình bày bằng đơn mà không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Chị L trình bày các lần chuyển tiền, gạo do chị hoàn toàn tự

nguyện và vợ chồng còn chung sống với nhau, anh P không ép buộc chị. Anh P không chấp nhận việc chị L trình bày như trên lúc anh chị còn chung sống vui vẻ với nhau anh là người đưa tiền và gửi tiền cho chị L lo cuộc sống gia đình nên việc chị L trình bày là hoàn toàn không đúng sự thật. Vì vậy, HĐXX thấy rằng không có căn cứ buộc anh P phải thanh toán số tiền 206.000.000 đồng cho chị L.

* *Về nợ:* Anh P, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:*

- Anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị L phải chịu án phí yêu cầu giải quyết tài sản riêng. Tuy nhiên hiện anh P, chị L là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho anh P, chị L.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 57; 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tri Công P được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Anh P và chị L có 02 con chung tên là Tri Công D, sinh ngày 21/5/1983 và Tri Công N, sinh ngày 24/9/1990. Hiện cả hai con đều đã trên 18 tuổi nên anh P, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và nợ:

* *Về tài sản chung*: Anh P, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản riêng:* Không chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh P phải thanh toán cho chị tổng các khoản chị yêu cầu với số tiền là 206.000.000 đồng.

* *Về nợ:* Anh P, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Miễn án phí cho anh Tri Công P, trả lại anh P số tiền 300.000 đồng mà anh P đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh TB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003096 ngày 27/5/2022.

- Miền án phí cho chị L về yêu cầu giải quyết tài sản riêng.

Quyền kháng cáo: Anh Tri Công P và chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã ĐC;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Hoàng Văn Thành